

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN THÀNH HỌC PHÍ
(KIỂM TRA LẦN CUỐI)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
1	1651010446	PHAN NGỌC	KHÁNH	QTDL2-K10	010100111905	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
2	1651010446	PHAN NGỌC	KHÁNH	QTDL2-K10	010100096826	Thực tập nghề nghiệp	->Hủy HP
3	1651010462	HÀ VĂN	VUÔNG	QTKDVTHK4-	010100013001	Tiếng Anh chuyên ngành II - QTVT	->Hủy HP
4	1753020083	TRẦN KIM QUỐC	KHÁNH	17ĐHĐT02	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	->Hủy HP
5	1753020083	TRẦN KIM QUỐC	KHÁNH	17ĐHĐT02	011100043302	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	->Hủy HP
6	1853020022	NGUYỄN TUẤN	NHÃ	18ĐHĐT01	011100072301	Chuyên đề 1	->Hủy HP
7	1853020050	DIỆP LONG THIÊN	VUÔNG	18ĐHĐT02	011100041701	Nguyên lý truyền thông	->Hủy HP
8	1913120017	Lê Quốc	Nam	19CĐĐV01	011100008701	Toán chuyên đề	->Hủy HP
9	1953020001	NGÔ VĂN	HUÂN	19ĐHĐT01	011100009104	Linh kiện điện tử	->Hủy HP
10	1953020049	PHẠM KHẮC	TÙNG	19ĐHĐT02	011100051703	Toán cơ sở	->Hủy HP
11	1953020083	TRIỆU THUẬN	TƯỜNG	19ĐHĐT02	011100008701	Toán chuyên đề	->Hủy HP
12	1953020083	TRIỆU THUẬN	TƯỜNG	19ĐHĐT02	011100027701	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	->Hủy HP
13	1953020083	TRIỆU THUẬN	TƯỜNG	19ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	->Hủy HP
14	1953020083	TRIỆU THUẬN	TƯỜNG	19ĐHĐT02	011100014602	Điện tử công suất	->Hủy HP
15	1953020083	TRIỆU THUẬN	TƯỜNG	19ĐHĐT02	011100014802	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
16	2010000046	Nguyễn Trí	Cao	20CĐCK01	030100022802	Pháp luật	->Hủy HP
17	2011010049	Lê Thị Ngọc	Hạnh	20CĐAN01	030100060402	An toàn sản đồ	->Hủy HP
18	2011150050	NGUYỄN THANH	NGÂN	20CĐTM02	030100060402	An toàn sản đồ	->Hủy HP
19	2031010029	Nguyễn Đăng Hương	Giang	20ĐVQT01	010200014101	Khóa luận tốt nghiệp	->Hủy HP
20	2051010132	NGUYỄN HOÀNG NHƯ YÊN		20ĐHQTVT3	010100013405	Quản trị hăng hàng không	->Hủy HP
21	2051010133	LÊ NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	20ĐHQTVT1	010100013901	Quản trị khai thác CHK	->Hủy HP
22	2051010270	THÁI THỊ THANH	HẰNG	20ĐHQTC2	010100013405	Quản trị hăng hàng không	->Hủy HP
23	2051010317	NGUYỄN THỊ MỸ	NGỌC	20ĐHQTVT3	010100013903	Quản trị khai thác CHK	->Hủy HP
24	2051010317	NGUYỄN THỊ MỸ	NGỌC	20ĐHQTVT3	010100013407	Quản trị hăng hàng không	->Hủy HP
25	2051010355	LÊ VĂN	NAM	20ĐHQTDL	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	->Hủy HP
26	2051010434	LÊ HOÀNG	VŨ	20ĐHQTTH	010100013907	Quản trị khai thác CHK	->Hủy HP
27	2051010446	TRẦN THỊ THU	TRANG	20ĐHQTDL	010100096824	Thực tập nghề nghiệp	->Hủy HP
28	2051010446	TRẦN THỊ THU	TRANG	20ĐHQTDL	010100021601	Kỹ năng tổ chức hội nghị và sự kiện	->Hủy HP
29	2051010461	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	20ĐHQTC2	010100013907	Quản trị khai thác CHK	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
30	2051010461	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	20ĐHQTC2	010100013404	Quản trị hãng hàng không	->Hủy HP
31	2051200026	ĐÌNH THẾ CƯỜNG	20ĐHKTO1	010800024601	Toán kỹ thuật 1	->Hủy HP
32	2053020019	LÊ NGUYỄN UYÊN THY	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	->Hủy HP
33	2053020020	HUỲNH SĨ LÝ CÔNG	20ĐHĐT01	011100009103	Linh kiện điện tử	->Hủy HP
34	2053020034	TRƯƠNG PHÚC ANH	20CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	->Hủy HP
35	2053020034	TRƯƠNG PHÚC ANH	20CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	->Hủy HP
36	2053020034	TRƯƠNG PHÚC ANH	20CĐAN01	030100022802	Pháp luật	->Hủy HP
37	2053020034	TRƯƠNG PHÚC ANH	20CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	->Hủy HP
38	2053020058	ĐỖ THỊ KIM YẾN	20ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	->Hủy HP
39	2053020058	ĐỖ THỊ KIM YẾN	20ĐHĐT02	011100043302	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	->Hủy HP
40	2053020059	HỒNG NGỌC PHI LONG	20ĐHĐT02	011100051701	Toán cơ sở	->Hủy HP
41	2053020059	HỒNG NGỌC PHI LONG	20ĐHĐT02	011100009104	Linh kiện điện tử	->Hủy HP
42	2053020060	UÔNG HOÀNG MINH HƯNG	20ĐHĐT02	011100009702	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	->Hủy HP
43	2053020060	UÔNG HOÀNG MINH HƯNG	20ĐHĐT02	011100041701	Nguyên lý truyền thông	->Hủy HP
44	2053020060	UÔNG HOÀNG MINH HƯNG	20ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	->Hủy HP
45	2053020060	UÔNG HOÀNG MINH HƯNG	20ĐHĐT02	011100043302	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	->Hủy HP
46	2053020060	UÔNG HOÀNG MINH HƯNG	20ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	->Hủy HP
47	2053020085	ĐÀO ĐỨC LONG	20ĐHĐT02	011100051701	Toán cơ sở	->Hủy HP
48	2053020085	ĐÀO ĐỨC LONG	20ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	->Hủy HP
49	2053020085	ĐÀO ĐỨC LONG	20ĐHĐT02	011100009702	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	->Hủy HP
50	2053020085	ĐÀO ĐỨC LONG	20ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	->Hủy HP
51	2053020085	ĐÀO ĐỨC LONG	20ĐHĐT02	011100043302	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	->Hủy HP
52	2053020085	ĐÀO ĐỨC LONG	20ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	->Hủy HP
53	2105120053	LÊ TUẤN THANH	21ĐHĐT02	011100015702	Truyền số liệu và mạng máy tính	->Hủy HP
54	2105120053	LÊ TUẤN THANH	21ĐHĐT02	011100111901	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
55	2105120053	LÊ TUẤN THANH	21ĐHĐT02	011100015007	Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
56	2105120053	LÊ TUẤN THANH	21ĐHĐT02	011100052404	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
57	2105120053	LÊ TUẤN THANH	21ĐHĐT02	011100006002	Đồ án môn học 1	->Hủy HP
58	2105120060	PHẠM TRẦN MINH ĐỨC	21ĐHĐT02	011100015702	Truyền số liệu và mạng máy tính	->Hủy HP
59	2105120060	PHẠM TRẦN MINH ĐỨC	21ĐHĐT02	011100015004	Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
60	2105120060	PHẠM TRẦN MINH ĐỨC	21ĐHĐT02	011100052404	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
61	2105120060	PHẠM TRẦN MINH ĐỨC	21ĐHĐT02	011100006002	Đồ án môn học 1	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
62	2105120060	PHẠM TRẦN MINH ĐỨC	21ĐHĐT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	->Hủy HP
63	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐT02	011100052404	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
64	2105120091	HỒ BẢO NGỌC	21ĐHĐT02	010100111919	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
65	2105120091	HỒ BẢO NGỌC	21ĐHĐT02	011100015006	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
66	2105120091	HỒ BẢO NGỌC	21ĐHĐT02	011100052404	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
67	2105120091	HỒ BẢO NGỌC	21ĐHĐT02	011100006001	Đồ án môn học 1	->Hủy HP
68	2105130030	TRẦN TUẤN DŨNG	21ĐHTĐ01	011100015005	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
69	2105130030	TRẦN TUẤN DŨNG	21ĐHTĐ01	011100000302	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
70	2105130030	TRẦN TUẤN DŨNG	21ĐHTĐ01	011100009504	Kỹ thuật lập trình	->Hủy HP
71	2105130030	TRẦN TUẤN DŨNG	21ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
72	2105130030	TRẦN TUẤN DŨNG	21ĐHTĐ01	011100088201	Đồ án học phần 1	->Hủy HP
73	2105130030	TRẦN TUẤN DŨNG	21ĐHTĐ01	011100014804	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
74	2105130034	LÊ CÔNG HOÀNG	21ĐHTĐ01	011100000302	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
75	2105130034	LÊ CÔNG HOÀNG	21ĐHTĐ01	011100009504	Kỹ thuật lập trình	->Hủy HP
76	2105130034	LÊ CÔNG HOÀNG	21ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
77	2105130034	LÊ CÔNG HOÀNG	21ĐHTĐ01	011100088201	Đồ án học phần 1	->Hủy HP
78	2105130034	LÊ CÔNG HOÀNG	21ĐHTĐ01	011100014804	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
79	2105130051	LÊ MINH SANG	21ĐHTĐ01	011100016502	PLC	->Hủy HP
80	2105130051	LÊ MINH SANG	21ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
81	2105130051	LÊ MINH SANG	21ĐHTĐ01	011100088201	Đồ án học phần 1	->Hủy HP
82	2105130055	BÙI MINH TUẤN	21ĐHTĐ01	011100016501	PLC	->Hủy HP
83	2105130055	BÙI MINH TUẤN	21ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
84	2105130055	BÙI MINH TUẤN	21ĐHTĐ01	011100088201	Đồ án học phần 1	->Hủy HP
85	2105130092	Phan Văn Duy Khang	21ĐHTĐ02	011100016502	PLC	->Hủy HP
86	2105130092	Phan Văn Duy Khang	21ĐHTĐ02	010100000305	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
87	2105130092	Phan Văn Duy Khang	21ĐHTĐ02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
88	2105130092	Phan Văn Duy Khang	21ĐHTĐ02	011100014806	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
89	2105130102	Lương Trọng Nhật	21ĐHTĐ02	011100015008	Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
90	2105130102	Lương Trọng Nhật	21ĐHTĐ02	011100000302	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
91	2105130102	Lương Trọng Nhật	21ĐHTĐ02	011100009504	Kỹ thuật lập trình	->Hủy HP
92	2105130102	Lương Trọng Nhật	21ĐHTĐ02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
93	2105130102	Lương Trọng Nhật	21ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
94	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100015007	Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
95	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	->Hủy HP
96	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	->Hủy HP
97	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
98	2110000038	Nguyễn Thế	Anh	21CĐCK01	030100053701	Động cơ turbine khí	->Hủy HP
99	2111150022	Nguyễn Ngọc	Diệu	21CĐTM01	030100030302	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	->Hủy HP
100	2111150022	Nguyễn Ngọc	Diệu	21CĐTM01	030100069002	Hành lý bất thường	->Hủy HP
101	2111150022	Nguyễn Ngọc	Diệu	21CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	->Hủy HP
102	2111150022	Nguyễn Ngọc	Diệu	21CĐTM01	030100060402	An toàn sân đỗ	->Hủy HP
103	2111150093	Cáp Thị Mỹ	Yến	21CĐTM02	030100069101	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	->Hủy HP
104	2111150093	Cáp Thị Mỹ	Yến	21CĐTM02	030100030302	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	->Hủy HP
105	2111150096	Diệp Thanh Lan	Phuong	21CĐTM02	030100146202	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	->Hủy HP
106	2111150150	Hà Thị Ngọc	Vân	21CĐTM03	030100030302	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	->Hủy HP
107	2111210009	Lý Hồng	Đăng	21CĐKL01	030100033201	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	->Hủy HP
108	2111210009	Lý Hồng	Đăng	21CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	->Hủy HP
109	2111210009	Lý Hồng	Đăng	21CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu	->Hủy HP
110	2111210009	Lý Hồng	Đăng	21CĐKL01	030100031601	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không	->Hủy HP
111	2111210010	Nguyễn Phương	Anh	21CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu	->Hủy HP
112	2111210010	Nguyễn Phương	Anh	21CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	->Hủy HP
113	2111210013	Nguyễn Vũ Minh	Đức	21CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	->Hủy HP
114	2111210013	Nguyễn Vũ Minh	Đức	21CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu	->Hủy HP
115	2111210028	Châu Quang	Hưng	21CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	->Hủy HP
116	2111210028	Châu Quang	Hưng	21CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu	->Hủy HP
117	2111210039	Thân Văn Tiến	Đạt	21CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	->Hủy HP
118	2111210039	Thân Văn Tiến	Đạt	21CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu	->Hủy HP
119	2111210039	Thân Văn Tiến	Đạt	21CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	->Hủy HP
120	2113120027	Phạm Minh	Quý	21CĐĐV01	011100009002	Lý thuyết mạch 1	->Hủy HP
121	2113120027	Phạm Minh	Quý	21CĐĐV01	011100009104	Linh kiện điện tử	->Hủy HP
122	2113120027	Phạm Minh	Quý	21CĐĐV01	011100009504	Kỹ thuật lập trình	->Hủy HP
123	2113120027	Phạm Minh	Quý	21CĐĐV01	011100014502	Điện tử thông tin	->Hủy HP
124	2113120027	Phạm Minh	Quý	21CĐĐV01	030100059002	Chính trị	->Hủy HP
125	2133410004	Nguyễn Gia	Bảo	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
126	2133410004	Nguyễn Gia	Bảo	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
127	2133410004	Nguyễn Gia	Bảo	21ĐVQT01	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
128	2133410004	Nguyễn Gia	Bảo	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
129	2133410005	Kha Lại	Bố	21ĐVQT01	010200013001	Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	->Hủy HP
130	2133410005	Kha Lại	Bố	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP
131	2133410005	Kha Lại	Bố	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
132	2133410005	Kha Lại	Bố	21ĐVQT01	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
133	2133410005	Kha Lại	Bố	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
134	2133410013	Nguyễn Đức	Lộc	21ĐVQT01	010200013001	Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	->Hủy HP
135	2133410013	Nguyễn Đức	Lộc	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP
136	2133410013	Nguyễn Đức	Lộc	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
137	2133410013	Nguyễn Đức	Lộc	21ĐVQT01	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
138	2133410013	Nguyễn Đức	Lộc	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
139	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200013001	Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	->Hủy HP
140	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP
141	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
142	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	->Hủy HP
143	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
144	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
145	2133410024	Phạm Hoàng	Phúc	21ĐVQT01	010200013001	Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	->Hủy HP
146	2133410024	Phạm Hoàng	Phúc	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP
147	2133410024	Phạm Hoàng	Phúc	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
148	2133410024	Phạm Hoàng	Phúc	21ĐVQT01	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
149	2133410024	Phạm Hoàng	Phúc	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
150	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200013001	Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	->Hủy HP
151	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP
152	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
153	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
154	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
155	2133410027	Lâm Thị Thu	Thủy	21ĐVQT01	010200065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	->Hủy HP
156	2133410027	Lâm Thị Thu	Thủy	21ĐVQT01	010200023901	Quản trị doanh thu VTHK	->Hủy HP
157	2133410027	Lâm Thị Thu	Thủy	21ĐVQT01	010200025701	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
158	2153410041	Trần Thị Cẩm Ngân	21ĐHQTDL	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	->Hủy HP
159	2153410047	Nguyễn Huỳnh Ngọc Nhung	21ĐHQTTTH1	010100011901	Quản trị Marketing	->Hủy HP
160	2153410047	Nguyễn Huỳnh Ngọc Nhung	21ĐHQTTTH1	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	->Hủy HP
161	2153410103	ĐỒNG GIA PHÚ	21ĐHQTVT1	010100018106	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
162	2153410114	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG ANH	21ĐHQTTTH1	010100050001	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	->Hủy HP
163	2153410114	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG ANH	21ĐHQTTTH1	010100011901	Quản trị Marketing	->Hủy HP
164	2153410114	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG ANH	21ĐHQTTTH1	010100030201	Kinh tế quốc tế	->Hủy HP
165	2153410117	PHẠM CÔNG DANH	21ĐHQTC1	010100013102	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
166	2153410163	NGUYỄN THỊ THU MINH	21ĐHQTC2	010100013104	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
167	2153410163	NGUYỄN THỊ THU MINH	21ĐHQTC2	010100008108	An toàn hàng không	->Hủy HP
168	2153410167	ÂU THỊ PHƯƠNG NGÀ	21ĐHQTVT2	010100018803	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	->Hủy HP
169	2153410167	ÂU THỊ PHƯƠNG NGÀ	21ĐHQTVT2	010100008108	An toàn hàng không	->Hủy HP
170	2153410168	NGÔ NGUYỄN THỊ TỊNH	21ĐHQTC2	010100018201	Quản trị thiết bị CHK	->Hủy HP
171	2153410214	NGUYỄN HỒ ĐỨC HUY	21ĐHQTC2	010100010402	Kinh tế vi mô	->Hủy HP
172	2153410237	NGUYỄN NGỌC ĐẠT	21ĐHQTC2	010100018202	Quản trị thiết bị CHK	->Hủy HP
173	2153410244	TRƯƠNG NGUYỄN T MY	21ĐHQTC2	010100018203	Quản trị thiết bị CHK	->Hủy HP
174	2153410246	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	21ĐHQTVT2	010100018803	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	->Hủy HP
175	2153410246	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	21ĐHQTVT2	010100008105	An toàn hàng không	->Hủy HP
176	2153410270	TRẦN THỊ HỒNG ANH	21ĐHQTC3	010100008108	An toàn hàng không	->Hủy HP
177	2153410285	NGUYỄN THANH THẢO	21ĐHQTC3	010100008106	An toàn hàng không	->Hủy HP
178	2153410304	TRƯƠNG THỊ NGỌC UYÊN	21ĐHQTVT2	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
179	2153410325	HOÀNG THỊ MỸ HẢO	21ĐHQTVT2	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh	->Hủy HP
180	2153410325	HOÀNG THỊ MỸ HẢO	21ĐHQTVT2	010100013105	Kinh tế vận tải hàng không	->Hủy HP
181	2153410325	HOÀNG THỊ MỸ HẢO	21ĐHQTVT2	010100008106	An toàn hàng không	->Hủy HP
182	2153410335	NGUYỄN TIẾN DŨNG	21ĐHQTC4	010100011002	Lý thuyết tài chính tiền tệ	->Hủy HP
183	2153410335	NGUYỄN TIẾN DŨNG	21ĐHQTC4	011100052403	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
184	2153410356	NGUYỄN THỊ TRINH	21ĐHQTDL	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	->Hủy HP
185	2153410356	NGUYỄN THỊ TRINH	21ĐHQTDL	010100022401	Kinh tế du lịch	->Hủy HP
186	2153410356	NGUYỄN THỊ TRINH	21ĐHQTDL	010100080701	Địa lý du lịch	->Hủy HP
187	2153410389	TRẦN NỮ NHÃ LAM	21ĐHQTC4	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
188	2153410394	PHẠM THỊ TUỜNG VY	21ĐHQTDL	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
189	2153410409	NGUYỄN CAO THÚY AN	21ĐHQTC1	010100018201	Quản trị thiết bị CHK	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
190	2153410409	NGUYỄN CAO THÚY AN	21ĐHQTC1	010100001306	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
191	2153410429	VÕ NGỌC QUỲNH	21ĐHQTC2	010100018106	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	->Hủy HP
192	2153410444	HUỖNH NGỌC THƯƠNG	21ĐHQTC3	010100010702	Nguyên lý kế toán	->Hủy HP
193	2153410451	NÔNG THỊ YẾN CHI	21ĐHQTVT2	010100018803	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	->Hủy HP
194	2154810017	Nguyễn Hữu Bằng	21ĐHTT01	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	->Hủy HP
195	2154810017	Nguyễn Hữu Bằng	21ĐHTT01	010100085003	Phân tích và thiết kế thuật giải	->Hủy HP
196	2154810017	Nguyễn Hữu Bằng	21ĐHTT01	010100085501	Lập trình thiết bị di động	->Hủy HP
197	2154810054	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	21ĐHTT02	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	->Hủy HP
198	2154810054	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	21ĐHTT02	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	->Hủy HP
199	2154810065	NGÔ NGỌC HUY	21ĐHTT02	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	->Hủy HP
200	2154810065	NGÔ NGỌC HUY	21ĐHTT02	010100086102	Quản trị dự án CNTT	->Hủy HP
201	2154810065	NGÔ NGỌC HUY	21ĐHTT02	010100001301	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
202	2154810065	NGÔ NGỌC HUY	21ĐHTT02	010100085502	Lập trình thiết bị di động	->Hủy HP
203	2154810065	NGÔ NGỌC HUY	21ĐHTT02	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	->Hủy HP
204	2154810111	QUÁCH PHONG THANH	21ĐHTT02	011100051703	Toán cơ sở	->Hủy HP
205	2155200026	PHẠM NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	21ĐHKT01	010800065101	Thực tập cơ bản	->Hủy HP
206	2155200026	PHẠM NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	21ĐHKT01	010800102801	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	->Hủy HP
207	2155200026	PHẠM NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	21ĐHKT01	010800105601	Kết cấu Hàng không 2	->Hủy HP
208	2155200026	PHẠM NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	21ĐHKT01	010800065401	Động cơ piston	->Hủy HP
209	2155200026	PHẠM NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	21ĐHKT01	010800105701	Cơ học bay 1	->Hủy HP
210	2155200044	NGUYỄN BẢO TÂM	21ĐHKT01	010800102801	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	->Hủy HP
211	2155200044	NGUYỄN BẢO TÂM	21ĐHKT01	010800105601	Kết cấu Hàng không 2	->Hủy HP
212	2155200044	NGUYỄN BẢO TÂM	21ĐHKT01	010800065401	Động cơ piston	->Hủy HP
213	2155200044	NGUYỄN BẢO TÂM	21ĐHKT01	010800105701	Cơ học bay 1	->Hủy HP
214	2155200046	VƯƠNG QUỐC THẮNG	21ĐHKT01	010800102801	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	->Hủy HP
215	2155200046	VƯƠNG QUỐC THẮNG	21ĐHKT01	010800065401	Động cơ piston	->Hủy HP
216	2155200046	VƯƠNG QUỐC THẮNG	21ĐHKT01	010800073301	Đồ án môn học	->Hủy HP
217	2155200046	VƯƠNG QUỐC THẮNG	21ĐHKT01	010800105701	Cơ học bay 1	->Hủy HP
218	2155200057	VÕ THỊ NGỌC TUYỀN	21ĐHKT01	010800102801	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	->Hủy HP
219	2155200057	VÕ THỊ NGỌC TUYỀN	21ĐHKT01	010800105601	Kết cấu Hàng không 2	->Hủy HP
220	2155200057	VÕ THỊ NGỌC TUYỀN	21ĐHKT01	010800065401	Động cơ piston	->Hủy HP
221	2155200057	VÕ THỊ NGỌC TUYỀN	21ĐHKT01	010800073301	Đồ án môn học	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
222	2155200057	VÕ THỊ NGỌC	TUYỀN	21ĐHKLT01	010800105701	Cơ học bay 1	->Hủy HP
223	2158420001	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	21ĐHKLT01	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
224	2158420001	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	21ĐHKLT01	010800049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	->Hủy HP
225	2158420052	LƯU THẾ	KIỆT	21ĐHKLT01	010800049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	->Hủy HP
226	2200000023	Cao Hoài	Khôi	22CĐCK01	030100069801	Tính năng tàu bay	->Hủy HP
227	2200000023	Cao Hoài	Khôi	22CĐCK01	030100066501	Cánh quạt tàu bay	->Hủy HP
228	2201150071	Nguyễn Ánh	Kim	22CĐTM02	030100059403	Tin học	->Hủy HP
229	2201150071	Nguyễn Ánh	Kim	22CĐTM02	030100059001	Chính trị	->Hủy HP
230	2201150071	Nguyễn Ánh	Kim	22CĐTM02	030100060402	An toàn sân đỗ	->Hủy HP
231	2201150093	Lê Huyền	Khanh	22CĐTM02	030100069001	Hành lý bất thường	->Hủy HP
232	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100069002	Hành lý bất thường	->Hủy HP
233	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
234	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	22ĐHNL01	010100111905	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
235	2233410001	Phạm Nguyễn	Vương	22ĐVQT01	010200109501	Tiếng Anh 2	->Hủy HP
236	2233410001	Phạm Nguyễn	Vương	22ĐVQT01	010200060101	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
237	2233410001	Phạm Nguyễn	Vương	22ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	->Hủy HP
238	2233410001	Phạm Nguyễn	Vương	22ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	->Hủy HP
239	2233410001	Phạm Nguyễn	Vương	22ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
240	2233410004	Nguyễn Đức	Phan	22ĐVQT01	010200060101	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
241	2233410004	Nguyễn Đức	Phan	22ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	->Hủy HP
242	2233410004	Nguyễn Đức	Phan	22ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
243	2233410005	Đỗ Minh	Đức	22ĐVQT01	010200109501	Tiếng Anh 2	->Hủy HP
244	2233410005	Đỗ Minh	Đức	22ĐVQT01	010200060101	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
245	2233410005	Đỗ Minh	Đức	22ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	->Hủy HP
246	2233410005	Đỗ Minh	Đức	22ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	->Hủy HP
247	2233410005	Đỗ Minh	Đức	22ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
248	2233410007	Lê Thanh	Sơn	22ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	->Hủy HP
249	2233410007	Lê Thanh	Sơn	22ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
250	2233410008	Lê Quốc	Huy	22ĐVQT01	010200060101	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
251	2233410008	Lê Quốc	Huy	22ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	->Hủy HP
252	2233410008	Lê Quốc	Huy	22ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
253	2233410010	Trần Thị Thu	Thủy	22ĐVQT01	010200109501	Tiếng Anh 2	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
254	2233410010	Trần Thị Thu	Thùy	22ĐVQT01	010200060101	Pháp luật hàng không	->Hủy HP
255	2233410010	Trần Thị Thu	Thùy	22ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	->Hủy HP
256	2233410010	Trần Thị Thu	Thùy	22ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	->Hủy HP
257	2233410010	Trần Thị Thu	Thùy	22ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	->Hủy HP
258	2238420016	Hồ Thị Cẩm	Thương	22ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay	->Hủy HP
259	2238420016	Hồ Thị Cẩm	Thương	22ĐVKL01	010200033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	->Hủy HP
260	2238420016	Hồ Thị Cẩm	Thương	22ĐVKL01	010200063801	Điện và điện tử hàng không	->Hủy HP
261	2250000003	ĐINH VĂN THÀNH	NAM	22ĐHKV01	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
262	2250000051	LÝ MẠNH	TÚ	22ĐHKV01	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
263	2250000059	Trương Huệ	Như	22ĐHKV02	011100111908	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
264	2250000086	LÊ TUYẾT	TRINH	22ĐHKV02	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê	->Hủy HP
265	2250000090	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	22ĐHKV02	011100111908	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
266	2250000140	PHẠM NGỌC	TRINH	22ĐHKV03	011100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	->Hủy HP
267	2250000165	LƯƠNG CAO THÀNH	TÂM	22ĐHXD01	011100052404	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
268	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100054801	Tổng quan về HKDD	->Hủy HP
269	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100116001	Tổng quan Công trình xây dựng HHK	->Hủy HP
270	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100128901	Tin học chuyên ngành	->Hủy HP
271	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	010100111903	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
272	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100115501	Thực tập trắc địa	->Hủy HP
273	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100052404	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
274	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100116101	Kết cấu bê tông cốt thép	->Hủy HP
275	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100116201	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	->Hủy HP
276	2250000180	Nguyễn Nhật	Tân	22ĐHXD01	011100115901	Cơ kết cấu 2	->Hủy HP
277	2250000183	Nguyễn Văn Hoàng	Kim	22ĐHKV02	011100111908	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
278	2252210011	LÊ UYÊN	NHI	22ĐHNA01	010100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
279	2252210086	NGUYỄN SƠN	TRÀ	22ĐHNA02	010100084407	Luyện phát âm	->Hủy HP
280	2252210131	NGUYỄN LÊ TUYẾT	MINH	22ĐHNA03	010100093704	Dẫn luận ngôn ngữ học	->Hủy HP
281	2252210145	TIẾT HUỆ	MÃN	22ĐHNA03	010100093704	Dẫn luận ngôn ngữ học	->Hủy HP
282	2252210155	LÊ THI PHƯƠNG	THẢO	22ĐHNA01	010100074605	Triết học Mác Lênin	->Hủy HP
283	2253410069	LÊ THỊ HOA	TRÂM	22ĐHQT02	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
284	2253410071	THÁI NGUYỄN PHÚC DUNG		22ĐHQT02	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
285	2253410071	THÁI NGUYỄN PHÚC DUNG		22ĐHQT02	010100011003	Lý thuyết tài chính tiền tệ	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
286	2253410095	VŨ PHƯƠNG THẢO	22ĐHQT02	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
287	2253410095	VŨ PHƯƠNG THẢO	22ĐHQT02	010100008204	Quản trị nhân lực	->Hủy HP
288	2253410095	VŨ PHƯƠNG THẢO	22ĐHQT02	010100011007	Lý thuyết tài chính tiền tệ	->Hủy HP
289	2253410096	HUỖNH ANH THU	22ĐHQT02	010100010421	Kinh tế vi mô	->Hủy HP
290	2253410101	TRẦN THỊ THU NGÂN	22ĐHQT03	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
291	2253410101	TRẦN THỊ THU NGÂN	22ĐHQT03	010100011407	Quản trị chất lượng	->Hủy HP
292	2253410101	TRẦN THỊ THU NGÂN	22ĐHQT03	010100011003	Lý thuyết tài chính tiền tệ	->Hủy HP
293	2253410170	DƯƠNG NGUYỄN GL VY	22ĐHQT04	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
294	2253410170	DƯƠNG NGUYỄN GL VY	22ĐHQT04	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
295	2253410204	HUỖNH TRUNG NHÂN	22ĐHQT05	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
296	2253410204	HUỖNH TRUNG NHÂN	22ĐHQT05	010100111907	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
297	2253410204	HUỖNH TRUNG NHÂN	22ĐHQT05	010100058702	Quản trị học	->Hủy HP
298	2253410204	HUỖNH TRUNG NHÂN	22ĐHQT05	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê	->Hủy HP
299	2253410204	HUỖNH TRUNG NHÂN	22ĐHQT05	010100010401	Kinh tế vi mô	->Hủy HP
300	2253410219	Lê Oanh My	22ĐHQT05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
301	2253410239	HOÀNG THỊ NHẬT THU	22ĐHQT05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
302	2253410243	TRẦN PHẠM NGỌC NHI	22ĐHQT05	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
303	2253410244	TRẦN VŨ Ý NHI	22ĐHQT05	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
304	2253410244	TRẦN VŨ Ý NHI	22ĐHQT05	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	->Hủy HP
305	2253410255	Phan Võ Thuỳ Linh	22ĐHQT06	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
306	2253410255	Phan Võ Thuỳ Linh	22ĐHQT06	010100010905	Kinh tế lượng	->Hủy HP
307	2253410347	Trần Ngọc Thanh Thảo	22ĐHQT07	010100010705	Nguyên lý kế toán	->Hủy HP
308	2253410349	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ANH	22ĐHQT01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
309	2253440088	NGUYỄN HIẾU KHÁNH	22ĐHNL02	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	->Hủy HP
310	2254810021	PHAN HỮU HÀO	22ĐHTT01	010100037301	Cơ sở dữ liệu	->Hủy HP
311	2254810030	NGUYỄN TRUNG CÔ DƯỠNG	22ĐHTT01	010100085404	Lập trình Web	->Hủy HP
312	2254810039	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	22ĐHTT01	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
313	2254810039	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	22ĐHTT01	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
314	2254810050	NGUYỄN HOÀNG ÂN	22ĐHTT01	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
315	2254810094	PHẠM TRẦN LAN ANH	22ĐHTT02	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
316	2254810109	TRƯỜNG SƠN TRÚC	22ĐHTT03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
317	2254810109	TRƯỜNG SƠN TRÚC	22ĐHTT03	010100085001	Phân tích và thiết kế thuật giải	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
318	2254810109	TRƯỜNG SƠN TRÚC	22ĐHTT03	010100002014	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
319	2254810143	ĐOÀN THỊ BÍCH TUYỀN	22ĐHTT03	010100000312	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
320	2254810147	NGUYỄN HUY HOÀNG	22ĐHTT03	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
321	2254810147	NGUYỄN HUY HOÀNG	22ĐHTT03	010100085004	Phân tích và thiết kế thuật giải	->Hủy HP
322	2254810147	NGUYỄN HUY HOÀNG	22ĐHTT03	010100131703	Lý thuyết đô thị	->Hủy HP
323	2254810147	NGUYỄN HUY HOÀNG	22ĐHTT03	010100085404	Lập trình Web	->Hủy HP
324	2254810163	LÊ HOÀNG LONG	22ĐHTT04	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
325	2254810163	LÊ HOÀNG LONG	22ĐHTT04	010100131705	Lý thuyết đô thị	->Hủy HP
326	2254810174	Nguyễn Thế Hiền	22ĐHTT04	011100051703	Toán cơ sở	->Hủy HP
327	2254810196	Nguyễn Quốc Trí	22ĐHTT04	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
328	2254810196	Nguyễn Quốc Trí	22ĐHTT04	011100051703	Toán cơ sở	->Hủy HP
329	2254810196	Nguyễn Quốc Trí	22ĐHTT04	010100131703	Lý thuyết đô thị	->Hủy HP
330	2254810200	NGUYỄN MINH NGỌ LINH	22ĐHTT04	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
331	2254810200	NGUYỄN MINH NGỌ LINH	22ĐHTT04	010100131703	Lý thuyết đô thị	->Hủy HP
332	2254810213	TRẦN KHANG	22ĐHTT05	010100085404	Lập trình Web	->Hủy HP
333	2254810226	HỒ THỊ MINH THU	22ĐHTT05	010100085001	Phân tích và thiết kế thuật giải	->Hủy HP
334	2254810234	MÃ ĐÀO THẮNG	22ĐHTT05	010100002014	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
335	2254810296	Lê Thị Cẩm Nhung	22ĐHTT06	010100002014	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
336	2254810305	NGUYỄN HUỲNH TH VY	22ĐHTT06	010100000312	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
337	2254810307	Nguyễn Thanh Tiến Đạt	22ĐHNL02	010100058710	Quản trị học	->Hủy HP
338	2254810315	Đặng Công Phước Thịnh	22ĐHTT02	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
339	2254810315	Đặng Công Phước Thịnh	22ĐHTT02	010100002015	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
340	2255120002	VÕ NHẬT THANH VI	22ĐHĐT01	011100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	->Hủy HP
341	2255120004	TRẦN HOÀNG DUY ANH	22ĐHĐT01	011100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	->Hủy HP
342	2255120010	Huỳnh Hạ Vy	22ĐHĐT01	011100052403	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
343	2255120011	Dương Anh Quân	22ĐHĐT01	011100052403	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
344	2255120033	Vũ Thị Cẩm Ly	22ĐHĐT01	011100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	->Hủy HP
345	2255120037	BÙI PHẠM ĐĂNG DUY	22ĐHĐT01	011100014804	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
346	2255120045	Đặng Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100052403	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
347	2255120069	Nguyễn Sỹ Tân	22ĐHĐT02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
348	2255120084	Nguyễn Phi Hùng	22ĐHĐT02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP
349	2255120094	Nguyễn Hoàng Nhi	22ĐHĐT02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
350	2255130019	TRẦN VÕ THANH TÙNG	22ĐHTĐ01	011100014603	Điện tử công suất	->Hủy HP
351	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀN LÂM	22ĐHTĐ01	011100089202	Thực hành máy điện	->Hủy HP
352	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀN LÂM	22ĐHTĐ01	010100002015	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
353	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀN LÂM	22ĐHTĐ01	011100014604	Điện tử công suất	->Hủy HP
354	2255130028	NGUYỄN HUY HIẾU	22ĐHTĐ01	011100014603	Điện tử công suất	->Hủy HP
355	2255130034	Huỳnh Thị Kim Anh	22ĐHTĐ01	011100089202	Thực hành máy điện	->Hủy HP
356	2255130034	Huỳnh Thị Kim Anh	22ĐHTĐ01	011100091703	Thực hành kỹ thuật điện tử	->Hủy HP
357	2255130034	Huỳnh Thị Kim Anh	22ĐHTĐ01	011100052403	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	->Hủy HP
358	2255130034	Huỳnh Thị Kim Anh	22ĐHTĐ01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
359	2255130034	Huỳnh Thị Kim Anh	22ĐHTĐ01	011100014603	Điện tử công suất	->Hủy HP
360	2255130038	NGUYỄN MINH TIẾN	22ĐHTĐ01	011100089203	Thực hành máy điện	->Hủy HP
361	2255130038	NGUYỄN MINH TIẾN	22ĐHTĐ01	011100014603	Điện tử công suất	->Hủy HP
362	2255130043	NGUYỄN HỮU GIA HUY	22ĐHTĐ01	011100014604	Điện tử công suất	->Hủy HP
363	2255130046	TRƯƠNG TỨ THIÊN KIM	22ĐHTĐ01	011100014603	Điện tử công suất	->Hủy HP
364	2255130060	Nguyễn Ngọc Anh	22ĐHTĐ02	011100089201	Thực hành máy điện	->Hủy HP
365	2255130065	Trần Đức Phát	22ĐHTĐ02	011100091703	Thực hành kỹ thuật điện tử	->Hủy HP
366	2255130073	Đặng Bùi Khánh Duy	22ĐHTĐ02	011100014603	Điện tử công suất	->Hủy HP
367	2255130092	PHẠM VŨ KHOA	22ĐHTĐ02	010100002019	Giáo dục thể chất-bóng rổ	->Hủy HP
368	2255200016	ĐỖ HUY HOÀNG	22ĐHKT01	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
369	2255200016	ĐỖ HUY HOÀNG	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	->Hủy HP
370	2255200016	ĐỖ HUY HOÀNG	22ĐHKT01	011100014806	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
371	2255200025	LÊ TIẾN ĐẠT	22ĐHKT01	010100000312	Pháp luật đại cương	->Hủy HP
372	2255200025	LÊ TIẾN ĐẠT	22ĐHKT01	011100014806	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
373	2255200041	NGUYỄN MINH MINH	22ĐHKT01	011100014806	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
374	2255200044	NGUYỄN ĐỖ NHỰT KHOA	22ĐHKT01	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
375	2255200044	NGUYỄN ĐỖ NHỰT KHOA	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	->Hủy HP
376	2255200044	NGUYỄN ĐỖ NHỰT KHOA	22ĐHKT01	011100105502	Khí động học 1	->Hủy HP
377	2255200044	NGUYỄN ĐỖ NHỰT KHOA	22ĐHKT01	011100014806	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
378	2255200046	LÊ TRUNG HẬU	22ĐHKT01	011100014806	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
379	2255200064	NGUYỄN NGỌC THIÊN	22ĐHKT02	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP
380	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA VĂN	22ĐHKT02	011100014805	Cơ sở điều khiển tự động	->Hủy HP
381	2258130089	Lê Thị Kim Nguyên	22ĐHDL02	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	->Hủy HP

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
382	2258130089	Lê Thị Kim	Nguyễn	22ĐHDL02	010100111903	Tiếng Anh 3	->Hủy HP
383	2258130089	Lê Thị Kim	Nguyễn	22ĐHDL02	010100070808	Thương mại điện tử	->Hủy HP
384	2258130089	Lê Thị Kim	Nguyễn	22ĐHDL02	010100080703	Địa lý du lịch	->Hủy HP
385	2258130103	Trần Hoàng Ái	Xuân	22ĐHDL02	010100080703	Địa lý du lịch	->Hủy HP